

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN
THỰC PHẨM YÊN BÁI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024 đã được kiểm toán bởi
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG
SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI
Mã CK: CAP

Mã số 01-B
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 461./KT

Yên Bái, ngày 01 tháng 11 năm 2024

V/v công bố thông tin BCTC

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Lâm nông sản thực phẩm Yên Bái thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) tổng hợp niên độ 2023-2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần lâm nông sản thực phẩm Yên Bái

- Mã chứng khoán: CAP
- Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái
- Điện thoại liên hệ: 02163.862.278
- Email: yfatuf@gmail.com Website: yfatuf.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC tổng hợp niên độ 2023-2024
 - BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán niên độ 2023-2024):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán niên độ 2023-2024):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 01/11/2024 tại đường dẫn: Website www.yatuf.com.vn, Mục Quan hệ với nhà đầu tư.

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong niên độ 2023-2024.

Trường hợp TCNY có giao dịch đền ghi báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

- Nội dung giao dịch: Không
- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất); Không
- Ngày hoàn thành giao dịch: Không

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30/09/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt;
- Công văn giải trình số 457/KT.MG.Y.01/M.2024 về chênh lệch lợi nhuận sau thuế.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

**CÔNG TY CỔ
PHẦN LÂM NÔNG
SẢN THỰC
PHẨM YÊN BÁI**



NGƯỜI UQ CBTT

Lương Quốc Quyền

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI
DN: C=VN, S=YÊN BÁI, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST: 5200116441
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2024.11.05 09:51:31+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 11.1.0

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG
SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI
Mã CK: CAP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: ~~4.58~~/KT
V/v công bố thông tin

Yên Bái, ngày 01 tháng 11 năm 2024

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX).

1. Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI
2. Mã chứng khoán: CAP
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái
4. Điện thoại: 02163.862.278 - Fax: 02163.862.804
5. Người thực hiện công bố thông tin: Lương Quốc Quyền
6. Điện thoại: 0978.131.246
7. Loại thông tin công bố: 24 giờ 72 giờ Bất thường Theo yêu cầu Định kỳ
8. Nội dung công bố thông tin:
 - 8.1. Báo cáo tài chính niên độ 2023-2024 (kỳ kế toán từ 01/10/2023 đến 30/09/2024) của Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán bao gồm :
 - Báo cáo của Ban Giám đốc;
 - Báo cáo kiểm toán độc lập;
 - Báo cáo tài chính đã được kiểm toán.
 - + Bảng cân đối kế toán
 - + Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
 - + Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
 - + Bản thuyết minh báo cáo tài chính

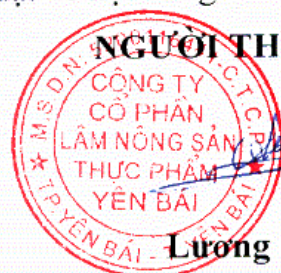
8.2. Nội dung giải trình:

- Công văn số ~~4.57~~/KT ngày 01/11/2024 về việc giải trình chênh lệch 10% lợi nhuận sau thuế so với cùng kỳ năm trước của báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán.

9. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính tại www.yfatuf.com.vn
Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT

Lương Quốc Quyền

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG
SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**
Mã CK: CAP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 454/KT

Yên Bái, ngày 01 tháng 11 năm 2024

V/v giải trình chênh lệch 10% lợi nhuận
sau thuế so với cùng kỳ năm trước tại
BCTC tổng hợp đã được kiểm toán

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX).

Thực hiện theo khoản 4, điều 14, chương III, thông tư 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 16/11/2020. Công ty cổ phần lâm nông sản thực phẩm Yên Bái xin giải trình nguyên nhân biến động lợi nhuận sau thuế của kỳ này so với cùng kỳ năm trước như sau:

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty niên độ 2023-2024 (từ ngày 01/10/2023 đến 30/09/2024) đã được kiểm toán so với cùng kỳ niên độ 2022-2023 có kết quả như sau:

| | | |
|--------------------------------------------------------------------|---|----------------------|
| - Lợi nhuận sau thuế TNDN cho kỳ kế toán của niên độ 2023- 2024 | : | 30.921.885.524 đồng |
| - Lợi nhuận sau thuế TNDN cho kỳ kế toán của niên độ 2022- 2023 | : | 114.408.909.365 đồng |
| - Chênh lệch giảm | : | 73 % |

Nguyên nhân:

- Giá vốn hàng bán trên đơn vị sản phẩm tăng so với cùng kỳ.

Từ nguyên nhân trên dẫn đến lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính tổng hợp năm nay giảm so với cùng kỳ năm trước.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.



P

MỤC LỤC

| <u>Nội dung</u> | <u>Trang</u> |
|--------------------------------------------------------------------|----------------|
| Báo cáo của Ban Giám đốc | 2 – 4 |
| Báo cáo kiểm toán độc lập | 5 – 6 |
| Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán | 7– 41 |
| <i>Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 30 tháng 09 năm 2024</i> | <i>7 – 10</i> |
| <i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp năm 2024</i> | <i>11</i> |
| <i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp năm 2024</i> | <i>12– 13</i> |
| <i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp năm 2024</i> | <i>14 – 41</i> |

M.S.C

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Lâm Nông Sản Thực Phẩm Yên Bái (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Lâm Nông Sản Thực Phẩm Yên Bái tiền thân là Công ty Chế biến Lâm nông sản Thực phẩm Yên Bái, là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái, được thành lập theo Quyết định số 53/QĐ – UB ngày 09/06/1994 do Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái cấp.

Công ty Chế biến Lâm nông sản Thực phẩm Yên Bái chính thức chuyển đổi hình thức sở hữu từ doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 276/QĐ-UB ngày 27 tháng 08 năm 2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 1603000045 ngày 01 tháng 10 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp 15 lần Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh về việc thay đổi vốn điều lệ, địa chỉ kinh doanh, người đại diện theo pháp luật. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 15 số 5200116441 được Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp ngày 06 tháng 06 năm 2024.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 15: 152.699.650.000 VND

Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm 30 tháng 9 năm 2024: 152.699.650.000 VND

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam
Điện thoại : (0216) 3 862 278
Fax : (0216) 3 862 804
Email : yfatuf@gmail.com
Website : <http://yfatuf.com.vn>
Mã số thuế : 5 2 0 0 1 1 6 4 4 1

Các đơn vị trực thuộc:

| Tên đơn vị | Địa chỉ |
|---------------------------------------------|-----------------------------------------------------|
| Nhà máy giấy Yên Bình | Xã Phú Thịnh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái |
| Nhà máy giấy Văn Chấn | Xã Thượng Bằng La, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái |
| Nhà máy giấy Minh Quân | Xã Minh Quân, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái |
| Nhà máy gia công giấy xuất khẩu Nguyễn Phúc | Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái |
| Nhà máy sản Văn Yên | Xã Đông Cường, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái |
| Nhà máy giấy Yên Hợp | Xã Yên Hợp, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái |
| Nhà máy gia công giấy Phú Thịnh (*) | Xã Phú Thịnh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái |

(*) Công ty quyết định tạm ngừng hoạt động sản xuất kinh doanh tại nhà máy gia công giấy Phú Thịnh theo Công văn số 19/TB -CT ngày 09/01/2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tổng hợp tại thời điểm 30 tháng 9 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 41).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không còn sự kiện nào xảy ra sau ngày 30 tháng 9 năm 2024 cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính tổng hợp này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> | |
|-----------------------|----------------|------------------------------------|
| Ông Trương Ngọc Biên | Chủ tịch | |
| Ông Nguyễn Quốc Trinh | Ủy viên | |
| Bà Hoàng Thị Bình | Ủy viên | |
| Ông Lê Long Giang | Ủy viên | |
| Ông Nguyễn Xuân Hồng | Ủy viên | |
| Ông Nguyễn Huy Thông | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 30 tháng 11 năm 2023 |
| Ông Trần Thanh Hà | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 30 tháng 11 năm 2023 |

Ban Giám đốc

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> |
|----------------------|----------------|
| Ông Lê Long Giang | Giám đốc |
| Ông Nguyễn Văn Trữ | Phó Giám đốc |
| Ông Nguyễn Huy Thông | Phó Giám đốc |
| Ông Hà Hải Yến | Phó Giám đốc |

Ban Kiểm Soát

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> |
|------------------------|----------------|
| Bà Nguyễn Thị Thu Hằng | Trưởng ban |
| Ông Trần Sỹ Lâm | Thành viên |
| Ông Phạm Tú Linh | Thành viên |

Kế toán trưởng

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> | |
|----------------------|----------------|------------------------------------|
| Ông Lương Quốc Quyền | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 04 năm 2024 |

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính tổng hợp

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

hợp của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính tổng hợp, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập các Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Yên Bái, ngày 31 tháng 10 năm 2024

Thay mặt Ban Giám đốc,

Giám đốc



Lê Long Giang

Số : 1001.01.01/2024/2024/BCTC-NVT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2024

Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Lâm Nông Sản Thực Phẩm Yên Bái

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Lâm Nông Sản Thực Phẩm Yên Bái, được lập ngày 31 tháng 10 năm 2024 từ trang 07 đến trang 41, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Lâm Nông Sản Thực Phẩm Yên Bái chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính Tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính Tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu lập kế hoạch và thực hiện để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính Tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính Tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tổng hợp của Công ty Cổ phần Lâm Nông Sản Thực Phẩm Yên Bái tại thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 2024

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT
Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên



Nguyễn Thị Hạnh
GCNĐKHNT số: 1690-2023-124-1

Nguyễn Thị Tuyết
GCNĐKHNT số: 1475-2023-124-1

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-----------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 243.977.602.153 | 256.041.298.361 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 94.467.547.790 | 80.955.321.149 |
| 1. Tiền | 111 | | 64.467.547.790 | 34.955.321.149 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 30.000.000.000 | 46.000.000.000 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | 117.400.000.000 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | V.2 | - | 117.400.000.000 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 33.862.902.087 | 25.814.196.534 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 28.457.078.662 | 21.411.942.018 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4 | 4.395.329.964 | 335.384.773 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | - |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.5 | 1.122.683.436 | 4.072.527.293 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.6 | (112.189.975) | (5.657.550) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | V.7 | 115.588.167.636 | 31.494.321.598 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 115.588.167.636 | 31.494.321.598 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 58.984.640 | 377.459.080 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.8a | 58.984.640 | 74.505.000 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | - | - |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.14 | - | 302.954.080 |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 25.985.903.798 | 36.132.528.194 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | | - | - |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 21.473.979.949 | 32.534.072.506 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.9 | 21.473.979.949 | 32.534.072.506 |
| <i>Nguyên giá</i> | 222 | | 184.239.752.127 | 183.946.225.604 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 223 | | (162.765.772.178) | (151.412.153.098) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 225 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 228 | V.10 | 171.000.000 | 171.000.000 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 229 | | (171.000.000) | (171.000.000) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 231 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 3.649.987.888 | 3.526.152.120 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.11 | 3.649.987.888 | 3.526.152.120 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | - | - |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | - | - |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | - | - |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | - |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 861.935.961 | 72.303.568 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.8b | 861.935.961 | 72.303.568 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 269.963.505.951 | 292.173.826.555 |

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-----------------------------------------------------|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| | | | | |
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 30.015.199.762 | 27.162.360.422 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 29.988.349.762 | 27.135.510.422 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.12a | 11.033.055.115 | 6.269.014.565 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.13 | 430.084.764 | 88.556.100 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.14 | 2.635.934.303 | 6.113.232.826 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 4.434.182.794 | 4.381.418.307 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.15 | 607.771.311 | 1.328.589.826 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | - |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.16a | 1.041.310.161 | 264.322.952 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | | - | - |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | V.17 | 5.700.300.000 | 5.402.750.000 |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.18 | 4.105.711.314 | 3.287.625.846 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 26.850.000 | 26.850.000 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | V.12b | 1.850.000 | 1.850.000 |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | V.16b | 25.000.000 | 25.000.000 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | | - | - |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 239.948.306.189 | 265.011.466.133 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.19 | 239.948.306.189 | 265.011.466.133 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 152.699.650.000 | 100.529.200.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 152.699.650.000 | 100.529.200.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 323.060.671 | 323.060.671 |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 41.002.773.233 | 41.002.773.233 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 45.922.822.285 | 123.156.432.229 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 15.000.936.761 | 8.747.522.864 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 30.921.885.524 | 114.408.909.365 |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 269.963.505.951 | 292.173.826.555 |

Lập, ngày 31 tháng 10 năm 2024

Người lập biểu

Dương Ngọc Lâm

Kế toán trưởng

Lương Quốc Quyền

Giám đốc



Lê Long Giang

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Đơn vị tính: VND | |
|----------------------------------------------------|-------|-------------|------------------|-----------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 591.753.292.991 | 612.296.635.735 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | 908.516.500 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 591.753.292.991 | 611.388.119.235 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 500.302.959.031 | 430.038.328.181 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 91.450.333.960 | 181.349.791.054 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 3.688.559.422 | 8.987.955.683 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 3.482.758.293 | 513.947.439 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 1.425.148.781 | 98.627.408 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | VI.5 | 26.369.942.119 | 34.064.689.216 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.6 | 23.852.628.306 | 23.534.193.568 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 41.433.564.664 | 132.224.916.514 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | | 35.562.600 | - |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.7 | 1.670.316.579 | 60.186.652 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | (1.634.753.979) | (60.186.652) |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 39.798.810.685 | 132.164.729.862 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | VI.8 | 8.876.925.161 | 17.755.820.497 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 30.921.885.524 | 114.408.909.365 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.9 | 2.922 | 10.812 |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.9 | 2.922 | 10.812 |

Lập, ngày 31 tháng 10 năm 2024

Người lập biểu

Dương Ngọc Lâm

Kế toán trưởng

Lương Quốc Quyền

Giám đốc



Lê Long Giang

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|----------------|-------------------------|--------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 39.798.810.685 | 132.164.729.862 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | | 13.176.684.745 | 13.053.247.027 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | 404.082.425 | (580.471.494) |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | 1.075.063.300 | (116.850.181) |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (1.841.152.436) | (7.121.380.767) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | | 1.425.148.781 | 98.627.408 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 54.038.637.500 | 137.497.901.855 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (6.369.271.399) | (4.986.340.592) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | (84.093.846.038) | (14.348.217.095) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | 1.235.900.270 | (13.953.784.637) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | (774.112.033) | 3.070.455.870 |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (1.425.148.781) | (98.627.408) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | | (8.730.678.373) | (21.334.161.262) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | - | - |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | | (4.902.360.000) | (5.454.610.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (51.020.878.854) | 80.392.616.731 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (7.313.963.156) | (6.634.701.967) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | - | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | - | (117.400.000.000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | 117.400.000.000 | - |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 5.504.155.724 | 3.931.150.218 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | 115.590.192.568 | (120.103.551.749) |

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | | Năm trước | |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|-------------------------|-------------------------|-----------|--|
| | | | | | | |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | - | - | |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - | - | |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | | 83.528.774.154 | 21.317.586.617 | | |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | (83.528.774.154) | (21.317.586.617) | | |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | - | - | - | |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | (50.242.835.500) | (32.972.381.400) | | |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (50.242.835.500) | (32.972.381.400) | | |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | 14.326.478.214 | (72.683.316.418) | | |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 80.955.321.149 | 153.562.737.459 | | |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | (814.251.573) | 75.900.108 | | |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | V.1 | 94.467.547.790 | 80.955.321.149 | | |

Lập, ngày 31 tháng 10 năm 2024

Người lập biểu

Dương Ngọc Lâm

Kế toán trưởng

Lương Quốc Quyền

Giám đốc



Lê Long Giang

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP Năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, kinh doanh thương mại
3. **Ngành nghề kinh doanh** :
Ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:
 - Sản xuất bột giấy, giấy và bìa;
 - Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác;
 - Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
 - Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
 - Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột;
 - Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ;
 - Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
 - Sản xuất bao bì bằng gỗ;
 - Sản xuất các sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện;
 - In ấn;
 - Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
 - Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
 - Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...);
 - Dịch vụ ăn uống khác;
 - Dịch vụ phục vụ đồ uống ;
 - Sản xuất, chế biến tinh dầu quế, các sản phẩm từ quế ./.
4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng
5. **Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Trong năm, giá củ sắn tươi tăng cao (tăng trên 40% so với cùng kỳ năm trước) đã làm giá thành sản xuất tinh bột sắn tăng lên trong khi giá bán tăng không đáng kể. Yếu tố này đã gây ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh, làm cho lợi nhuận sụt giảm đáng kể so với năm trước.

Ban lãnh đạo Công ty đang tích cực tìm kiếm các giải pháp để đẩy mạnh tiêu thụ hàng tồn kho, đồng thời kiểm soát chi phí đầu vào, đảm bảo lợi nhuận cho Công ty trong niên độ sau.

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

6. Cấu trúc doanh nghiệp:

Các đơn vị trực thuộc:

| Tên đơn vị | Địa chỉ |
|---------------------------------------------|-----------------------------------------------------|
| Nhà máy giấy Yên Bình | Xã Phú Thịnh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái |
| Nhà máy giấy Văn Chấn | Xã Thượng Bằng La, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái |
| Nhà máy giấy Minh Quân | Xã Minh Quân, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái |
| Nhà máy gia công giấy xuất khẩu Nguyễn Phúc | Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái |
| Nhà máy sản Văn Yên | Xã Đông Cường, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái |
| Nhà máy gia công giấy Phú Thịnh (*) | Xã Phú Thịnh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái |
| Nhà máy giấy Yên Hợp | Xã Yên Hợp, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái |

(*) Công ty quyết định tạm ngừng hoạt động sản xuất kinh doanh tại nhà máy gia công giấy Phú Thịnh theo Công văn số 19/TB-CT ngày 09/01/2023.

7. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC:** Số liệu trên BCTC Tổng hợp năm 2024 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC Tổng hợp năm 2023.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 395 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 456 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của công ty được thực hiện từ ngày 01 tháng 10 năm trước và kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm sau.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán và nguyên tắc hạch toán chênh lệch tỷ giá

Công ty có phát sinh các giao dịch bằng các ngoại tệ: USD.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính/kỳ kế toán.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày 30 tháng 09 năm 2024 cụ thể như sau:

Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam là 24.400 VND/USD và 3.466 VND/CNY.

Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam là 24.233 VND/USD.

Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam là 24.398 VND/USD.

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Riêng đối với máy móc thiết bị của Dự án sản Văn Yên dây chuyền số 2 áp dụng phương pháp khấu hao theo sản lượng, công suất thiết kế của dự án là 110.000 tấn sản phẩm (100 tấn sản phẩm/ngày, sản xuất 100 ngày/năm và thực hiện trong vòng 11 năm).

Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 5 – 25 |
| Máy móc và thiết bị | 5 – 15 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 6 – 10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 3 – 10 |

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là Phần mềm máy tính. Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

8. Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 36 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

11. Các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên đối với thời gian không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp khi họ chấm dứt hợp đồng lao động. Dự phòng trợ cấp thôi việc được trích lập với mức bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề gần nhất tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính cho 1 năm làm việc.

Tăng, giảm số dư dự phòng trợ cấp thôi việc cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định định kỳ

Việc trích trước chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định theo định kỳ được căn cứ vào kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định.

12. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản Vay và nợ thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản Vay và nợ thuê tài chính được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;
- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.
- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối năm khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

13. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Các quỹ khác

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

14. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

16. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;

- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

+ Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).

+ Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì Công ty ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

17. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

18. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

19. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Đối với thu nhập chịu thuế hoạt động sản xuất, chế biến nông sản tại các Nhà máy sản xuất, chế biến các sản phẩm từ sản tại địa bàn huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái (thuộc địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn) thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thuế với suất thuế TNDN 10% trong suốt thời gian hoạt động (Áp dụng kể từ 01/01/2015).

Các dự án còn lại, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên liên quan được thuyết minh tại VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁIĐịa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------------------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Tiền mặt | 1.087.891.570 | 1.031.358.848 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 63.379.656.220 | 33.923.962.301 |
| Các khoản tương đương tiền | 30.000.000.000 | 46.000.000.000 |
| <i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng</i> | <i>30.000.000.000</i> | <i>46.000.000.000</i> |
| Cộng | <u>94.467.547.790</u> | <u>80.955.321.149</u> |

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------------------------------------------------------|--------------------|-------------------------------|
| Tiền gửi tại ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Yên Bái. | - | 117.400.000.000 |
| Cộng | <u>-</u> | <u>117.400.000.000</u> |

3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------------------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| JIN CAI SHEN TECHNOLOGY CO., LTD | 12.210.846.532 | 3.658.565.980 |
| Công ty TNHH Giấy Xuất khẩu Thái Bình | 3.100.203.021 | 6.712.901.037 |
| HTX Tiểu thủ Công nghiệp Dịch vụ Tổng hợp Dũng Thành Phát | 2.717.902.420 | 2.395.414.008 |
| Công ty TNHH Thương mại Giang Biên | 2.515.159.449 | 1.632.304.704 |
| Các khách hàng khác | 7.912.967.240 | 7.012.756.289 |
| Cộng | <u>28.457.078.662</u> | <u>21.411.942.018</u> |

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------------------------------------------------------|-----------------------------|---------------------------|
| Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định Quốc tế ISOCERT | 42.630.000 | 42.630.000 |
| Bà Vũ Thị Hương | - | 120.000.000 |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Quy hoạch và Phát triển Công nghệ Á Châu | - | 75.000.000 |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần EJC tại Yên Bái | - | 75.000.000 |
| Công ty TNHH MTV Trảng An 168 | 1.261.440.000 | - |
| Công ty Cổ phần HTC Power | 1.641.286.000 | - |
| Công ty Cổ phần NEXTECH ECOLIFE | 609.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Kỹ thuật Môi trường Việt An | 571.120.000 | - |
| Các nhà cung cấp khác | 269.853.964 | 22.754.773 |
| Cộng | <u>4.395.329.964</u> | <u>335.384.773</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**5. Phải thu khác ngắn hạn**

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|----------------------------------|----------------------|----------|----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Tạm ứng | 1.006.000.000 | - | 364.000.000 | - |
| Lãi tiền gửi dự thu | 42.958.904 | - | 3.705.962.192 | - |
| Thuế TNCN phải thu | - | - | - | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 73.724.532 | - | 2.565.101 | - |
| Cộng | 1.122.683.436 | - | 4.072.527.293 | - |

6. Nợ xấu

| | Số cuối năm | | | Số đầu năm | | |
|----------------------------|---------------------------|--------------------|--------------------|-------------------|------------------|------------------|
| | Thời gian quá hạn | Giá gốc | dự phòng | Thời gian quá hạn | Giá gốc | dự phòng |
| Công ty TNHH AISA Việt Nam | Đã xóa nợ từ 01 đến 2 năm | - | - | Trên 03 năm | 5.657.550 | 5.657.550 |
| Ông Nguyễn Công Toàn | năm | 224.379.950 | 112.189.975 | | | |
| Cộng | | 224.379.950 | 112.189.975 | | 5.657.550 | 5.657.550 |

7. Hàng tồn kho

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--------------------------------------|------------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 8.442.099.248 | - | 8.609.600.696 | - |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 2.147.348.795 | - | 2.399.315.891 | - |
| Thành phẩm | 101.714.302.416 | - | 20.485.405.011 | - |
| Hàng gửi bán | 3.284.417.177 | - | - | - |
| Cộng | 115.588.167.636 | - | 31.494.321.598 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước

a) Chi phí trả trước ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------------------------|--------------------|-------------------|
| Chi phí cắt cùi nhà máy sản Văn Yên | - | 74.505.000 |
| Chi phí sửa chữa nhà máy sản Văn Yên | 58.984.640 | - |
| Cộng | 58.984.640 | 74.505.000 |

b) Chi phí trả trước dài hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------------------------------------------------------|--------------------|-------------------|
| Chi phí bảo trì phần mềm, sửa xe và bảo hiểm | - | 42.570.000 |
| Chi phí sửa chữa đường ống nước thải và mái nhà xưởng tại Yên Bình | - | 4.924.252 |
| Phí khai thác nước mặt và sửa chữa đường dây tại nhà máy Yên Hợp | 101.664.896 | 12.006.302 |
| Phí khai thác nước mặt và hệ thống thải Minh Quân | - | 7.878.767 |
| Phương án cải tạo HT XLNT Yên Bình | 346.497.912 | - |
| Hồ sơ cấp giấy phép xả thải Yên Bình, Minh Quân, Văn Chấn | 413.773.153 | 4.924.247 |
| Cộng | 861.935.961 | 72.303.568 |

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**9. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tài sản cố định khác | Cộng |
|---------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------------------------------|---------------------------|----------------------|------------------------|
| Nguyên giá | | | | | | |
| Số đầu năm | 77.410.579.252 | 98.856.377.967 | 6.981.348.349 | 88.450.000 | 609.470.036 | 183.946.225.604 |
| Tăng trong năm | 2.116.592.188 | - | - | - | - | 2.116.592.188 |
| Thanh lý, nhượng bán | (620.351.838) | (830.059.556) | (219.336.364) | - | (153.317.907) | (1.823.065.665) |
| Số cuối năm | 78.906.819.602 | 98.026.318.411 | 6.762.011.985 | 88.450.000 | 456.152.129 | 184.239.752.127 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 54.055.678.695 | 52.711.273.937 | 4.049.448.349 | 88.450.000 | 456.152.129 | 111.361.003.110 |
| Giá trị hao mòn | | | | | | |
| Số đầu năm | 63.594.990.170 | 81.992.922.125 | 5.126.320.767 | 88.450.000 | 609.470.036 | 151.412.153.098 |
| Khấu hao trong năm | 4.914.229.249 | 7.744.461.749 | 517.993.747 | - | - | 13.176.684.745 |
| Thanh lý, nhượng bán | (620.351.838) | (830.059.556) | (219.336.364) | - | (153.317.907) | (1.823.065.665) |
| Số cuối năm | 67.888.867.581 | 88.907.324.318 | 5.424.978.150 | 88.450.000 | 456.152.129 | 162.765.772.178 |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Số đầu năm | 13.815.589.082 | 16.863.455.842 | 1.855.027.582 | - | - | 32.534.072.506 |
| Số cuối năm | 11.017.952.021 | 9.118.994.093 | 1.337.033.835 | - | - | 21.473.979.949 |

10. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính, chi tiết phát sinh trong năm như sau:

| | Nguyên giá | Hao mòn lũy kế | Giá trị còn lại |
|--------------------|--------------------|--------------------|-----------------|
| Số đầu năm | 171.000.000 | 171.000.000 | - |
| Khấu hao trong năm | - | - | - |
| Số cuối năm | 171.000.000 | 171.000.000 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁIĐịa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

| | Số đầu năm | Số phát sinh trong năm | Kết chuyển vào TSCĐ | Số cuối năm |
|----------------------------------------------------------------|----------------------|------------------------|---------------------|----------------------|
| Xây dựng cơ bản dở dang | 3.526.152.120 | 123.835.768 | - | 3.649.987.888 |
| - Giải phóng mặt bằng mở rộng nhà máy sản Văn Yên số 2 | 3.033.652.120 | - | - | 3.033.652.120 |
| - Chi phí sửa chữa lớn nhà máy sản Văn Yên | - | 123.835.768 | - | 123.835.768 |
| - Giải phóng mặt bằng, sửa chữa mở rộng nhà máy giấy Minh Quân | 312.500.000 | - | - | 312.500.000 |
| - Giải phóng mặt bằng, sửa chữa mở rộng nhà máy giấy Văn Chấn | 180.000.000 | - | - | 180.000.000 |
| Cộng | 3.526.152.120 | 123.835.768 | - | 3.649.987.888 |

12. Phải trả người bán**a. Phải trả người bán ngắn hạn**

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Công ty TNHH Thương Mại Phúc Hưng | 923.097.276 | 923.097.276 | 118.151.351 | 118.151.351 |
| Công ty TNHH An Hoa | 1.022.520.000 | 1.022.520.000 | 947.376.000 | 947.376.000 |
| Công ty TNHH Đại Lục | 197.181.514 | 197.181.514 | 1.283.981.514 | 1.283.981.514 |
| Công ty TNHH Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Hồng Quân | - | - | 1.171.649.920 | 1.171.649.920 |
| Công ty Cổ phần Đông Á | 1.678.139.748 | 1.678.139.748 | - | - |
| Các nhà cung cấp khác | 7.212.116.577 | 7.212.116.577 | 2.747.855.780 | 2.747.855.780 |
| Cộng | 11.033.055.115 | 11.033.055.115 | 6.269.014.565 | 6.269.014.565 |

b. Phải trả người bán dài hạn

Là khoản phải trả cho Công ty TNHH Thiết bị Công nghiệp HTC Vĩnh Phúc

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------------------------------------------------|--------------------|-------------------|
| Công ty TNHH MTV Bông Hoa | - | 12.980.000 |
| Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Tinh Bột Sắn VINA Thanh Hóa | - | 15.343.000 |
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hà Duyên | - | 20.612.030 |
| Công ty TNHH đầu tư thương mại XNK Hợp Thịnh | - | 14.224.460 |
| Công ty Cổ phần thương mại và sản xuất Thái Bình An | 130.902.400 | - |
| Công ty TNHH Duyệt Cường | 253.903.884 | - |
| Các khách hàng khác | 45.278.480 | 25.396.610 |
| Cộng | 430.084.764 | 88.556.100 |

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

| | Số đầu năm | | Số phát sinh trong năm | | Số cuối năm | |
|----------------------------------------|----------------------|--------------------|------------------------|-------------------------|----------------------|----------|
| | Phải nộp | Phải thu | Số phải nộp | Số đã nộp | Phải nộp | Phải thu |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 3.702.111.999 | - | 6.535.954.183 | (9.994.879.044) | 243.187.138 | - |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu | - | - | 113.943.170 | (113.943.170) | - | - |
| Thuế xuất, nhập khẩu | - | - | 3.646.040 | (3.646.040) | - | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 2.241.325.377 | - | 8.876.925.161 | (8.730.678.373) | 2.387.572.165 | - |
| Thuế thu nhập cá nhân | - | 302.954.080 | 3.415.106.512 | (3.112.152.432) | - | - |
| Thuế tài nguyên | 12.131.010 | - | 312.548.605 | (319.504.615) | 5.175.000 | - |
| Tiền thuê đất | 157.664.440 | - | 296.045.258 | (453.709.698) | - | - |
| Các loại thuế khác | - | - | 11.000.000 | (11.000.000) | - | - |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | - | - | 1.002.238.177 | (1.002.238.177) | - | - |
| Cộng | 6.113.232.826 | 302.954.080 | 20.567.407.106 | (23.741.751.549) | 2.635.934.303 | - |

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

| | |
|--------------------------------------|-----------------|
| Bã sắn | Không chịu thuế |
| Giấy vàng mã, tinh bột sắn xuất khẩu | 0 % |
| Sản phẩm tiêu thụ trong nước | 8%, 10 % |

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi tiết số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được trình bày ở thuyết minh số VI.8

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------------------------------|--------------------|----------------------|
| Phí bảo vệ môi trường | 85.259.178 | 578.696.701 |
| Chi phí tiền điện | 505.007.133 | 639.893.125 |
| Các chi phí phải trả ngắn hạn khác | 17.505.000 | 110.000.000 |
| Cộng | 607.771.311 | 1.328.589.826 |

16. Phải trả khác**a. Các khoản phải trả ngắn hạn khác**

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|----------------------------------|----------------------|--------------------|
| Kinh phí công đoàn | 65.546.050 | 31.902.854 |
| Bảo hiểm xã hội | 620.046.200 | - |
| Cổ tức phải trả | 56.457.550 | 34.693.050 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 299.260.361 | 197.727.048 |
| Cộng | 1.041.310.161 | 264.322.952 |

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

b. Các khoản phải trả dài hạn khác

Là các khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn của các cá nhân, tổ chức

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Ông Hà Xuân Quảng | 5.000.000 | 5.000.000 |
| Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Đỗ Cường | 20.000.000 | 20.000.000 |
| Cộng | <u>25.000.000</u> | <u>25.000.000</u> |

17. Dự phòng phải trả ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Tiền lương bổ sung | 5.700.300.000 | 5.402.750.000 |
| Cộng | <u>5.700.300.000</u> | <u>5.402.750.000</u> |

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u> | <u>Chi quỹ trong năm</u> | <u>Số cuối năm</u> |
|-----------------|-----------------------------|---------------------------------------|-------------------------------|-----------------------------|
| Quỹ khen thưởng | 1.256.617.713 | 5.720.445.468 | (4.731.860.000) | 2.245.203.181 |
| Quỹ phúc lợi | 2.031.008.133 | - | (170.500.000) | 1.860.508.133 |
| Cộng | <u>3.287.625.846</u> | <u>5.720.445.468</u> | <u>(4.902.360.000)</u> | <u>4.105.711.314</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp(tiếp theo)**19. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|-----------------------------|-----------------------------------|---------------------------------|----------------------------------|----------------------------------------------|------------------------|
| Số dư đầu năm trước | 78.539.680.000 | 323.060.671 | 9.187.651.245 | 106.143.858.916 | 194.194.250.832 |
| Lợi nhuận trong năm trước | - | - | - | 114.408.909.365 | 114.408.909.365 |
| Tăng vốn từ lợi nhuận | 21.989.520.000 | - | - | (21.989.520.000) | - |
| Chia cổ tức trong năm | - | - | - | (32.986.665.600) | (32.986.665.600) |
| Trích lập các quỹ | - | - | 31.815.121.988 | (39.238.650.452) | (7.423.528.464) |
| Thường ban lãnh đạo | - | - | - | (3.181.500.000) | (3.181.500.000) |
| Số dư cuối năm trước | 100.529.200.000 | 323.060.671 | 41.002.773.233 | 123.156.432.229 | 265.011.466.133 |
| Số dư đầu năm nay | 100.529.200.000 | 323.060.671 | 41.002.773.233 | 123.156.432.229 | 265.011.466.133 |
| Lợi nhuận trong năm nay | - | - | - | 30.921.885.524 | 30.921.885.524 |
| Tăng vốn từ lợi nhuận | 52.170.450.000 | - | - | (52.170.450.000) | - |
| Chia cổ tức năm nay | - | - | - | (50.264.600.000) | (50.264.600.000) |
| Trích lập các quỹ | - | - | - | (5.720.445.468) | (5.720.445.468) |
| Số dư cuối năm nay | 152.699.650.000 | 323.060.671 | 41.002.773.233 | 45.922.822.285 | 239.948.306.189 |

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

b) Cổ phiếu

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------------------------------------|--------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 15.269.965 | 10.052.920 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng | 15.269.965 | 10.052.920 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 15.269.965 | 10.052.920 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| - Cổ phiếu phổ thông | - | - |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 15.269.965 | 10.052.920 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 15.269.965 | 10.052.920 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

c) Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty đã phân phối lợi nhuận Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 184/NQ-ĐHCD ngày 30 tháng 11 năm 2023 như sau:

- Chi trả cổ tức năm 2023:
 + Bằng tiền: 50% Vốn điều lệ (tương đương 5.000 VND/ cổ phiếu);
 + Bằng cổ phiếu: 50% Vốn điều lệ (50 Cổ phiếu/ 100 Cổ phiếu cũ)
- Trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi: 5% lợi nhuận sau thuế;
- Phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty: 1.906.810.000 đồng.

20. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán tổng hợp

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| a. Tài sản nhận giữ hộ | | |
| Vật tư nhận gia công của Công ty giấy Kim Thần Tài | 6.268.192.365 | 4.403.566.523 |
| Cộng | 6.268.192.365 | 4.403.566.523 |
| b. Ngoại tệ các loại | | |
| Dollar Mỹ (USD) | 2.076.663,96 | 367.894,76 |
| Nhân dân tệ (CNY) | 3.093451,84 | |
| c. Nợ khó đòi đã xử lý | | |
| Xí nghiệp Thương mại Dịch vụ Ánh Dương (1) | 237.948.479 | 237.948.479 |
| Công ty Cổ phần TM và ĐT phát triển Đông Hà (2) | 56.285.614 | 56.285.614 |
| Công ty Cổ phần XD và TM Hùng Dũng (3) | 10.000.000 | 10.000.000 |
| Công ty Cổ phần Năm Sao (4) | 16.500.000 | 16.500.000 |
| Chi nhánh điện Văn Chấn (5) | 12.000.000 | 12.000.000 |
| Công ty TNHH Đức Việt Anh(6) | 399.583.932 | 399.583.932 |
| Công ty TNHH AISA Việt Nam (7) | 5.657.550 | - |
| Cộng | 737.975.575 | 732.318.025 |

Nguyên nhân xóa nợ:

(1), (2), (3): Công nợ quá hạn đã lâu, nhà cung cấp không có khả năng thực hiện tiếp.

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

(4), (5), (6), (7): Công nợ quá hạn đã lâu, Doanh nghiệp không có khả năng thu hồi

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**1. Doanh thu bán hàng**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 591.753.292.991 | 612.296.635.735 |
| <i>Doanh thu bán thành phẩm</i> | <i>591.753.292.991</i> | <i>612.296.635.735</i> |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | - | (908.516.500) |
| <i>Chiết khấu thương mại</i> | <i>-</i> | <i>(908.516.500)</i> |
| Cộng | <u>591.753.292.991</u> | <u>611.388.119.235</u> |

2. Giá vốn hàng bán

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Giá vốn của thành phẩm đã bán | 500.302.959.031 | 430.038.328.181 |
| Cộng | <u>500.302.959.031</u> | <u>430.038.328.181</u> |

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-----------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn | 1.841.152.436 | 7.121.380.767 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh | 1.632.235.798 | 1.517.561.107 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | - | 116.850.181 |
| Doanh thu hoạt động tài chính khác | 215.171.188 | 232.163.628 |
| Cộng | <u>3.688.559.422</u> | <u>8.987.955.683</u> |

4. Chi phí tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|---------------------------|
| Chi phí lãi vay | 1.425.148.781 | 98.627.408 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh | 982.546.212 | 415.320.031 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 1.075.063.300 | - |
| Cộng | <u>3.482.758.293</u> | <u>513.947.439</u> |

5. Chi phí bán hàng

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 26.265.940.792 | 33.655.761.465 |
| Các chi phí khác | 104.001.327 | 408.927.751 |
| Cộng | <u>26.369.942.119</u> | <u>34.064.689.216</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 13.480.345.563 | 11.578.693.224 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 417.290.296 | 482.871.945 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 321.435.109 | 983.574.950 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 2.132.115.193 | 1.670.389.355 |
| Thuế, phí và lệ phí | 946.192.167 | 1.640.046.175 |
| Dự phòng dự phòng phải thu khó đòi | 112.189.975 | - |
| Dự phòng dự phòng trợ cấp thôi việc | 381.386.225 | 279.279.953 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 860.163.825 | 992.339.336 |
| Các chi phí khác | 5.201.509.953 | 5.906.998.630 |
| Cộng | <u>23.852.628.306</u> | <u>23.534.193.568</u> |

7. Chi phí khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------|-----------------------------|--------------------------|
| Thuế bị phạt, bị truy thu | 1.668.827.142 | 59.528.026 |
| Chi phí khác | 1.489.437 | 658.626 |
| Cộng | <u>1.670.316.579</u> | <u>60.186.652</u> |

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được tính như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|------------------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 39.798.810.685 | 132.164.729.862 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | 2.597.842.477 | 1.062.450.149 |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | 2.597.842.477 | 1.062.450.149 |
| <i>Lương thành viên HĐQT độc lập không điều hành</i> | <i>520.000.000</i> | <i>512.660.100</i> |
| <i>Khấu hao xe ô tô nguyên giá trên 1,6 tỷ</i> | <i>136.650.000</i> | <i>136.650.000</i> |
| <i>Chi phí không hợp lệ</i> | <i>227.721.400</i> | <i>253.709.826</i> |
| <i>Chi phí khấu hao nhà máy dừng sản xuất</i> | <i>44.643.935</i> | <i>99.902.197</i> |
| <i>Thuế bị phạt, bị truy thu</i> | <i>1.668.827.142</i> | <i>59.528.026</i> |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | - | - |
| Thu nhập chịu thuế | 42.396.653.162 | 133.227.180.011 |
| Thu nhập tính thuế | 42.396.653.162 | 133.227.180.011 |
| <i>Thu nhập tính thuế TNDN với thuế suất 10%</i> | <i>8.067.335.750</i> | <i>88.896.155.054</i> |
| <i>Thu nhập tính thuế TNDN với thuế suất 20%</i> | <i>34.329.317.412</i> | <i>44.331.024.957</i> |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | <u>7.672.597.057</u> | <u>17.755.820.497</u> |
| Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước | <u>1.204.328.104</u> | - |
| Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành | <u>8.876.925.161</u> | <u>17.755.820.497</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**9. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 30.921.885.524 | 114.408.909.365 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông: | | |
| - Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi(*) | (1.546.094.276) | (5.720.445.468) |
| | <u>(1.546.094.276)</u> | <u>(5.720.445.468)</u> |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | 29.375.791.248 | 108.688.463.897 |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm | <u>15.269.965</u> | <u>15.269.965</u> |
| Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | <u>1.924</u> | <u>7.118</u> |

(*) Việc tính số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm nay dự kiến bằng 5% lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ theo kết quả phân chia lợi nhuận năm 2023 của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 30 tháng 11 năm 2023.

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm | 10.052.920 | 7.853.968 |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành năm 2023 từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | - | 2.198.952 |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành năm 2024 từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 5.217.045 | 5.217.045 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | <u>15.269.965</u> | <u>15.269.965</u> |

10. Chi phí sản xuất theo yếu tố

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 510.995.726.445 | 361.086.350.143 |
| Chi phí nhân công | 68.259.196.196 | 65.523.001.605 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 13.176.684.745 | 13.053.247.027 |
| Chi phí Dự phòng trợ cấp thôi việc | 493.576.200 | 279.279.953 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 29.439.604.901 | 50.632.663.104 |
| Chi phí khác | <u>12.422.088.455</u> | <u>14.451.046.823</u> |
| Cộng | <u>634.786.876.942</u> | <u>505.025.588.655</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Tại thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2024, Công ty không có công nợ với các bên liên quan.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

| Họ và Tên | Năm nay | Năm trước |
|------------------------|----------------|------------------|
| Ông Trương Ngọc Biên | 735.288.000 | 668.453.754 |
| Ông Nguyễn Quốc Trinh | 120.000.000 | 120.000.000 |
| Bà Hoàng Thị Bình | 120.000.000 | 120.000.000 |
| Ông Nguyễn Xuân Hồng | 120.000.000 | 120.000.000 |
| Ông Trần Thanh Hà | 100.000.000 | - |
| Ông Lê Long Giang | 605.160.000 | 540.992.341 |
| Ông Nguyễn Văn Trữ | 490.584.000 | 435.089.845 |
| Ông Nguyễn Huy Thông | 490.584.000 | 485.146.152 |
| Ông Hà Hải Yên | 494.114.942 | 438.347.241 |
| Ông Nguyễn Thanh Sơn | 297.304.000 | 401.396.745 |
| Ông Lương Quốc Quyền | 423.042.000 | 339.539.727 |
| Bà Nguyễn Thị Thu Hằng | 400.128.000 | 345.266.846 |
| Ông Phạm Tú Linh | 257.586.105 | 289.398.540 |
| Ông Trần Sỹ Lâm | 261.600.000 | 251.258.595 |

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau/do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ Công ty cung cấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

a, Thông tin về lĩnh vực kinh doanh Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất giấy để
- Lĩnh vực sản xuất giấy vàng mã
- Lĩnh vực sản xuất tinh bột sắn
- Lĩnh vực sản xuất tinh dầu quế
- Lĩnh vực sản xuất ván bóc, giấy lẻ

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

| | Giấy để | Giấy vàng mã | Tinh bột sắn | Giấy lẻ+ ván bóc | Các khoản loại trừ/khác | Cộng |
|-------------------------------------------------------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|--------------------|-------------------------|------------------------|
| Năm nay | | | | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 206.556.372.526 | 42.677.138.982 | 341.897.335.187 | 622.446.296 | - | 591.753.292.991 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | 26.852.088.440 | - | - | (26.852.088.440) | - | - |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 233.408.460.966 | 42.677.138.982 | 341.897.335.187 | 622.446.296 | (26.852.088.440) | 591.753.292.991 |
| Chi phí bộ phận | 207.140.771.795 | 36.792.994.200 | 332.821.405.605 | 622.446.296 | (26.852.088.440) | 550.525.529.456 |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | 26.267.689.171 | 5.884.144.782 | 9.075.929.582 | - | - | 41.227.763.535 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | | | | 3.688.559.422 |
| Chi phí tài chính | | | | | | 3.482.758.293 |
| Thu nhập khác | | | | | | 35.562.600 |
| Chi phí khác | | | | | | 1.670.316.579 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | | | | 8.876.925.161 |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | | | | | 30.921.885.524 |
| Tổng chi phí phát sinh mua TSCĐ và tài sản dài hạn khác | | | | | | 3.569.822.654 |
| Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | | | | | | 13.716.447.050 |

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

| Số cuối năm | Giấy để | Giấy Vàng mã | Tinh Bột Sắn | Giấy lẻ | Tổng hợp | Cộng |
|----------------------------------------|----------------|---------------------|---------------------|----------------|------------------|------------------------|
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | 13.710.650.289 | 1.322.953.655 | 101.367.406.938 | - | 153.562.495.069 | 269.963.505.951 |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận (*) | 4.409.227.947 | 526.634.620 | 12.747.926.833 | - | (17.683.789.400) | - |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | - | - | - | - | - | - |
| Tổng tài sản | | | | | | 269.963.505.951 |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | 2.201.414.790 | 402.875.773 | 1.593.030.849 | - | 25.817.878.350 | 30.015.199.762 |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận | - | - | - | - | - | - |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | - | - | - | - | - | - |
| Tổng nợ phải trả | | | | | | 30.015.199.762 |

(*) Là công nợ phải thu, phải trả nội bộ giữa tổng hợp và các nhà máy.

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

B, Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực trong nước (nội địa) và khu vực nước ngoài (xuất khẩu)

Chi tiết doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Khu vực nội địa | 217.409.562.535 | 218.193.802.170 |
| Khu vực xuất khẩu | 374.343.730.456 | 394.102.833.565 |
| Cộng | <u>591.753.292.991</u> | <u>612.296.635.735</u> |

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

A, Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

B, Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của

Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

| | <u>Từ 1 năm trở xuống</u> | <u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> | <u>Trên 5 năm</u> | <u>Cộng</u> |
|-------------------------|-------------------------------|---------------------------------|-------------------|-----------------------|
| Số cuối năm | | | | |
| Phải trả người bán | 11.033.055.115 | 1.850.000 | - | 11.034.905.115 |
| Các khoản phải trả khác | 11.783.564.266 | 25.000.000 | - | 11.808.564.266 |
| Cộng | 22.816.619.381 | 26.850.000 | - | 22.843.469.381 |
| Số đầu năm | | | | |
| Phải trả người bán | 6.269.014.565 | 1.850.000 | - | 6.270.864.565 |
| Các khoản phải trả khác | 11.377.081.085 | 25.000.000 | - | 11.402.081.085 |
| Cộng | 17.646.095.650 | 26.850.000 | - | 17.672.945.650 |

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

C, Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

| | Giá trị sổ sách | | Giá trị hợp lý | |
|------------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Tài sản tài chính | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 94.467.547.790 | 80.955.321.149 | 94.467.547.790 | 80.955.321.149 |
| Phải thu khách hàng | 28.344.888.687 | 21.406.284.468 | 28.344.888.687 | 21.406.284.468 |
| Các khoản phải thu khác | 1.122.683.436 | 4.072.527.293 | 1.122.683.436 | 4.072.527.293 |
| Cộng | 123.935.119.913 | 223.834.132.910 | 123.935.119.913 | 223.834.132.910 |
| Nợ phải trả tài chính | | | | |
| Phải trả người bán | 11.034.905.115 | 6.270.864.565 | 11.034.905.115 | 6.270.864.565 |
| Các khoản phải trả khác | 11.808.564.266 | 11.402.081.085 | 11.808.564.266 | 11.402.081.085 |
| Cộng | 22.843.469.381 | 17.672.945.650 | 22.843.469.381 | 17.672.945.650 |

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

5. Những thông tin khác

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính tổng hợp là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Do ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2023 được trình bày lại như sau:

| | Mã số | Số liệu trước điều chỉnh | Số điều chỉnh | Số liệu sau điều chỉnh |
|---------------------------------------------|-------|--------------------------|---------------|------------------------|
| <i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i> | | | | |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 10.584 | (3.466) | 7.118 |

Người lập biểu

Dương Ngọc Lâm

Kế toán trưởng

Lương Quốc Quyền

Lập ngày 31 tháng 10 năm 2024

Giám đốc



Lê Long Giang